# BÀI 2: BÀI HỌC CUỘC SỐNG

# (TRUYỆN NGỤ NGÔN)

**Tiết 14,15: VĂN BẢN 1. NHỮNG CÁI NHÌN HẠN HẸP**

**ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG, THẦY BÓI XEM VOI**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Năng lực:***

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được VB một cách ngắn gọn.

- Nêu được ấn tượng chung về VB; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm VB.

***2. Phẩm chất:***

- Yêu thương bạn bè, người thân, biết ứng xử đúng mực, nhân văn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy tính, ti vi thông minh, bảng, phấn.

- SGK, SGV.

- Giấy A0/ bảng phụ để HS trình bày kết quả thảo luận nhóm.

- Các mẫu PHT để HS thực hiện; trang web học tập của lớp và các tiêu chí đánh giá sản phẩm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| KHỞI ĐỘNG | |
| - GV cho HS Tìm ô chữ hàng dọc bằng cách trả lời các câu hỏi trong ô chữ hàng ngang. Mỗi ô chữ hàng ngang sẽ chứa một từ khóa.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.  - Từ đáp án của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Ngụ ngôn là một thể loại của văn học giáo huấn, mang nội dung đạo đức, giáo dục có hình thức thơ hoặc văn xuôi tương đối ngắn, sử dụng phúng dụ như một nguyên tắc tổ chức tác phẩm. Như vậy văn bản 1 “Những cái nhìn hạn hẹp thông qua hai truyện: Ếch ngồi đáy giếng, thầy bói xem voi”* gửi gắm một thông điệp đến với chúng ta. Để hiểu về thông điệp của văn bản này, cô và cả lớp sẽ cùng đi vào tìm hiểu nhé. |  |
| **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** | |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK  Yêu cầu HS nhắc lại các khái niệm đã học (ở lớp 6) như: đề tài, cốt truyện, sự việc, nhân vật,…  *-* GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: Hãy chọn một truyện và trả lời các câu hỏi sau để nhận biết từng yếu tố:  - *Ai là người kể chuyện trong tác phẩm này? Người kể ấy xuất hiện ở ngôi thứ mấy?*  - *Nếu muốn tóm tắt nội dung câu chuyện, em sẽ dựa vào những sự kiện nào?*  *- Nhân vật chính của truyện là ai? Nêu một vài chi tiết giúp em hiểu đặc điểm của nhân vật đó.*  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS thảo luận theo bàn trả lời các câu hỏi.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV chốt và mở rộng kiến thức. Hướng dẫn HS tìm hiểu các mục từ giải thích các yếu tố thể loại mới xuất hiện trong bài học này: *Tình huống truyện, Không gian - thời gian* trong truyện ngụ ngôn.  - Truyện ngụ ngôn là những truyện bịa đặt có ngụ ý về những bài học; về kinh nghiệm sống, đạo lí.  Nếu như ở các thể loại văn học khác, ngụ ý là ý nghĩa của sự phản ánh thì trong truyện ngụ ngôn nó là đối tượng phản ánh. Bởi vậy, truyện ngụ ngôn mang đậm màu sắc triết lí dân gian. Khi tưởng tượng và hư cấu truyện ngụ ngôn, tác giả dân gian không tập trung trình bày một số phận với nhiều tình tiết rắc rối mà chỉ chú ý khai thác một vài tình tiết liên quan đến một bài học kinh nghiệm nào đó một cách kín đáo, tế nhị. Đó có thể là một bài học về kinh nghiệm ứng xử giữa người với người, một bài học về đạo đức, một ‘bài học về nhận thức…  - Truyện ngụ ngôn phản ánh cuộc đấu tranh xã hội:  Xét trên bề mặt, truyện ngụ ngôn chỉ là truyện của các loài vật, đồ vật. Điều đó đúng nhưng chỉ là đúng về “phần xác” còn thực ra điều quan trọng của thể loại truyện này phải là **“phần hồn”.** Ở phần hồn này, sự ngụ ý kín đáo, bóng gió của tác giả dân gian không chỉ dừng lại ở các bài học về đạo lí hay những kinh nghiệm sống mà còn có cả Sự phản kháng đối với xã hội, đả kích giai cấp thống trị với những thói hống hách, ngang ngược, quyền thế và dạy người ta những kinh nghiệm ứng phó với chúng.  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật:  + Nhân vật truyện ngụ ngôn được lựa chọn một cách tự do, phóng túng, con vật nào cũng được miễn là “khớp” được cái ý tưởng bóng gió xa xôi mà người ta “gá gửi” vào đó. Những nhân vật - con vật ấy có ích hay có hại cho loài người, truyện ngụ ngôn không quan tâm. Điều người ta quan tâm là con vật đó giúp thể hiện được triết lí như thế nào.  + Việc lựa chọn nhân vật chính trong truyện ngụ ngôn xuất phát từ động cơ thiên về phương diện lí trí hơn là tình cảm, ở đây những thao tác của tư duy hoạt động mạnh hơn sự rung động của trái tim - đọc truyện ngụ ngôn ta phải suy nghĩ nhiều hơn.  + Truyện ngụ ngôn thực hiện chức năng mượn con vật làm cái vỏ để bọc kín cái ý, cái triết lí cần “gá gửi”. Vì vậy nội dung hình tượng nhân vật, phần cốt lõi không phải là miêu tả đặc điểm con vật mà là bài học suy lí, triết lí mà truyện muốn “gá gửi”.  - Xung đột trong truyện ngụ ngôn:  + Xung đột về triết lí ứng xử, về lí lẽ hành động của nhân vật, mọi hành động của nhân vật trong truyện ngụ ngôn đều không hề cảm tính mà tất cả đều có lí lẽ, có “tính quan niệm”.  + Xung đột trong truyện ngụ ngôn phản ánh xung đột xã hội (xung đột giữa người bị áp bức với kẻ áp bức, giữa đúng với sai, chân lí với nguy lí, tốt với xấu trong xã hội…).  - Kết cấu truyện ngụ ngôn:  Do tính chất ngụ ỷ, truyền miệng nên hầu hết truyện ngụ ngôn đều ngắn, ít tình tiết, ít nhân vật, trừ một số truyện bằng thơ, cốt truyện là một trục thẳng, ít rẽ ngang tắt hay đảo ngược. Truyện thường có hai lớp nghĩa: nghĩa hiển ngôn và nghĩa hàm ngôn. Nghĩa hiển ngôn là câu chuyện được kể, đây là lớp nghĩa nổi hay còn gọi là “phần xác”. Nghĩa hàm ngôn là phần bài học kinh nghiệm, những điều răn dạy, đây là lớp nghĩa chìm hay còn gọi là “phần hồn”, nghĩa này phải suy nghĩ mới nhận ra được.  - Biện pháp nghệ thuật:  Truyện ngụ ngôn thường mượn vật để nói người, dùng đặc điểm, tính cách, hành động của các con vật hoặc cỏ cây hoa lá để bóng gió chuyện con người, kín đáo nêu lên bài học nào đó cho con người. Do vậy, biện pháp nghệ thuật mà truyện ngụ ngôn sử dụng là nghệ thuật ẩn dụ. Đó là hình thức ẩn dụ để ám chỉ tính cách, hành động của con người. Chính nhờ có hình thức ẩn dụ này mà các con vật, loài vật, các bộ phận của cơ thể người hiện lên sống động, gần gũi và hấp dẫn hơn. | **I. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN Truyện** là loại tác phẩm văn học kể lại một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc.  **Truyện ngụ ngôn** là những truyện kể ngắn gọn, hàm súc, bằng văn xuôi hoặc văn vần. Truyện thường đưa ra bài học về cách nhìn sự việc, cách ứng xử của con người trong cuộc sống.  ***Đề tài trong truyện ngụ ngôn*:** thường là những vấn đề đạo đức hay những cách ứng xử trong cuộc sống.  **Sự kiện** (hay sự việc) là yếu tố quan trọng góp phần làm nên câu chuyện. Trong truyện ngụ ngôn, một câu chuyện thường xoay quanh một sự kiện chính. Chẳng hạn, ở truyện *Thỏ và rùa*, sự kiện chính là cuộc chạy thi giữa hai nhân vật thỏ và rùa.  **Cốt truyện**: là yếu tố quan trọng của truyện kể, gồm các sự kiện chính được sắp xếp theo một trật tự nhất định: có mở đầu, diễn biến và kết thúc.  ***Cốt truyện của truyện ngụ ngôn:*** thường xoay quanh một sự kiện (một hành vi ứng xử, một quan niệm, một nhận thức phiến diện, sai lầm…) nhằm đưa ra bài học hay lời khuyên nào đó.  **Nhân vật:** là đối tượng có hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, cảm xúc, suy nghĩ,... được nhà văn khắc họa trong tác phẩm. Nhân vật thường là con người nhưng cũng có thể là thần tiên, ma quỷ, con vật, đồ vật,...  ***Nhân vật trong truyện ngụ ngôn*** có thể là loài vật, đồ vật hoặc con người. Các nhân vật hầu như không có tên riêng, thưởng được người kể chuyện gọi bằng danh từ chung như: rùa, thỏ, sói, cừu, cây sậy, thầy bói, bác nông dân,... Từ suy nghĩ, hành động, lời nói của nhân vật ngụ ngôn, người nghe, người đọc có thể rút ra những bài học sâu sắc.  **Người kể chuyện:** là nhân vật do nhà văn tạo ra để kể lại câu chuyện:  + Ngôi thứ nhất;  + Ngôi thứ ba.  **Lời người kể chuyện** đảm nhận việc thuật lại các sự việc trong câu chuyện, bao gồm cả việc thuật lại mọi hoạt động của nhân vật vả miêu tả bối cảnh không gian, thời gian của các sự việc, hoạt động ấy.  **Lời nhân vật** là lời nói trực tiếp của nhân vật (đối thoại, độc thoại), có thể được trình bày tách riêng hoặc xen lẫn với lời người kể chuyện.  ***Tình huống truyện*** là tình thế làm nảy sinh câu chuyện khiến nhân vật bộc lộ đặc điểm, tính cách của mình. Qua đó, ý nghĩa của câu chuyện được khơi sâu. Chẳng hạn, tình huống truyện trong *Thỏ và rùa* là cuộc chạy đua giữa hai con vật và kết quả có tính bất ngờ, làm lộ rõ đặc điểm của mỗi nhân vật và bài học từ câu chuyện.  ***Không gian trong truyện ngụ ngôn*** là khung cảnh, môi trường hoạt động của nhân vật ngụ ngôn, nơi xảy ra sự kiện, câu chuyện (một khu chợ, một giếng nước, một khu rừng,...)  ***Thời gian trong truyện ngụ ngôn*** là một thời điểm, khoảnh khắc nào đó mà sự việc, câu chuyện xảy ra, thường không xác định cụ thể. |
| **II. VB1: NHỮNG CÁI NHÌN HẠN HẸP**  **ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG, THẦY BÓI XEM VOI** | |
| ❖ **Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: Xác định thể loại văn bản.  Đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, tóm tắt ngắn gọn qua phiếu học tập.  **- GV yêu cầu hs đọc văn bản**  \* khi đọc hết đoạn 1 cho hs dừng lại trả lời câu hỏi suy luận trong SGK | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác phẩm**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Thể loại | Đề tài | Tình huống | Cốt truyện | Nhân vật | Tóm tắt | | **Ếch ngồi đáy giếng** |  |  |  |  |  |  | | **Thầy bói xem voi** |  |  |  |  |  |  | |
| **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoàn thành những yêu cầu trong phiếu học tập chuẩn bị trình bày trước lớp.  - HS đọc bài trước lớp.   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Thể loại | Đề tài | Tình huống | Bố cục | Ấn tượng nhân vật | Tóm tắt | | ***Ếch ngồi đáy giếng*** | Truyện ngụ ngôn | những bài học về cách nhìn sự vật. | Bị nước đẩy lên mặt đất con ếch lâu năm “ngồi đáy giếng” vẫn quen thói nhâng nháo tự phụ, xem bầu trời là cái vung và bản thân là chúa tể nên đã bị một con trâu dẫm chết (bộc lộ tác hại của sự ngộ nhận về bản thân). |  |  | Một con ếch sống dưới đáy giếng nhìn bầu trời trên cao, tưởng trời chỉ là cái vung. Đã thế, mỗi khi cất tiếng kêu, thấy các con vật bé nhỏ xung quanh đều khiếp sợ, ếch ta tưởng mình là chúa tể thế giới. Lên mặt đất, ếch ta quen thói, vẫn nhâng nháo, nghênh ngang và bị một con trâu dẫm chết. | | ***Thầy bói xem voi*** | Truyện ngụ ngôn | những bài học về cách nhìn sự vật. | Năm ông thầy bói mù rủ nhau “xem voi”; mỗi ông chỉ sờ được một phần cơ thể con voi, nhưng ai cũng tin chỉ có mình miêu tả đúng về con voi dẫn đến xô xát, đánh nhau (bộc lộ tác hại của lối nhận thức phiến diện về sự vật). |  |  | Năm ôm thầy bói mù góp tiền cho người quản tượng xem voi. Mỗi ông chỉ sờ được một bộ phận của con voi rồi đưa ra kết luận của mình. Ông sờ vòi ví con voi với “con đỉa”; ông sờ ngà ví con voi với “cái đòn càn”; ông sờ tai ví con voi với “cái quạt thóc”; ông sờ chân ví con voi với “cái cột đình”; ông sờ đuôi ví con voi “cái chổi sể”. Không ai chịu ai dẫn đến xô xát, đánh nhau toác đầu chảy máu. | | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. | - HS trình bày sản phẩm thảo luận |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức những yêu cầu trong phiếu học tập.  - GV giải thích nghĩa của một số từ khó trong VB.  - Giới thiệu thêm cho hs trên thế giới có 2 tác giả rất nổi tiếng cho những câu truyện ngụ ngôn đó là: Aesop và La Fontaine để hs tham khảo đọc. | **b. Giải nghĩa từ khó**  ***- Quản voi (quản tượng):*** người trông nom và điều khiển voi.  ***- Sun sun:*** co lại, chun lại thành các nếp.  ***- Đòn càn:*** đòn làm bằng đoạn tre nguyên cả ống, đẽo vát hai đầu cho thon lại để xóc những bó củi, rơm rạ... ma gánh.  ***- Quạt thóc:*** loại quạt lớn bằng tre phất vải, dùng để quạt cho thóc lép và bụi bay đi, tách khỏi thóc chắc.  ***- Tua tủa:*** từ gợi tả dáng chỉa ra không đều của nhiều vật cứng, nhọn, gây cảm giác ghê sợ.  ***- Chổi xể:*** chổi quét sân, thưởng làm bằng nhánh cây thanh hao. |
| **II. Suy ngẫm và phản hồi** | |
| ❖ ***Tìm hiểu văn bản “Ếch ngồi đáy giếng”***  **Hoạt động 1:**  **1. Ếch khi ở trong giếng**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Không gian sống** | **Hành động, thái độ** | **Suy nghĩ** | | … | … | …. |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức những yêu cầu trong phiếu học tập.  Môi trường hạn hẹp dễ khiến người ta kiêu ngạo, không biết thực chất về mình.  🡪tầm nhìn, sự hiểu biết nông cạn.  ***Bài học:*** sống hòa nhã, thân thiện, yêu thương mọi người, không nên tự đề cao bản thân mình | **A. ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG**  **1. Ếch khi ở trong giếng**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Không gian sống** | **Hành động, thái độ** | **Suy nghĩ** | | + trong giếng  + chỉ có vài con vật bé nhỏ: nhái, cua, ếch | + kêu ồm ộp -> mọi vật hoảng sợ  + oai như 1 vị chúa tể | Tưởng trời bé bằng cái vung | | nhỏ bé, chật hẹp, tối tăm, cách biệt với cuộc sống bên ngoài | Huênh hoang, kiêu ngạo | Nông cạn, sai lệch |   Môi trường hạn hẹp dễ khiến người ta kiêu ngạo, không biết thực chất về mình.  🡪 tầm nhìn, sự hiểu biết nông cạn.  🡪 bài học: sống hòa nhã, thân thiện, yêu thương mọi người, không nên tự đề cao bản thân mình |
| **Hoạt động 2. Ếch khi ra ngoài giếng**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu hs thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Ếch khi ra ngoài giếng | | | | Nguyên nhân | Không gian sống | Hành động thái độ | | ………. | ……….. | ………. | | Nhận định:…  Bài học bản thân: … | | |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các cặp đôi thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời đại diện các cặp đôi trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức những yêu cầu trong phiếu học tập.  \* Ý nghĩa:  - Phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp.  - Không chủ quan kiêu ngạo  - Phải mở rộng tầm hiểu biết  \* Bài học:  - Hoàn cảnh sống hạn hẹp sẽ ảnh hưởng đến nhận thức về chính mình và thế giới xung quanh.  - Phải nhận ra hạn chế của mình  - Phải khiêm tốn không được chủ quan, kiêu ngạo  - Luôn học hỏi mở rộng tầm hiểu biết của mình bằng mọi hình thức. | **2. Ếch khi ra ngoài giếng**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | | | | **Nguyên nhân** | **Không gian sống** | **Hành động thái độ** | | Mưa to, nước dềnh lên, ếch ra ngoài | Môi trường sống thay đổi, rộng lớn, vô tận | - Nghênh ngang đi lại khắp nơi, kêu ồm ộp, nhâng nháo.  - Chẳng thèm để ý đến xung quanh |   ***\* Nhận định của em:*** Kiêu căng, tự đắc, khinh thường xung quanh.  ***\* Bài học bản thân:***  - Hoàn cảnh sống hạn hẹp sẽ ảnh hưởng đến nhận thức về chính mình và thế giới xung quanh.  - Phải nhận ra hạn chế của mình  - Phải khiêm tốn không được chủ quan, kiêu ngạo  - Luôn học hỏi mở rộng tầm hiểu biết của mình bằng mọi hình thức. |
| ❖**Văn bản: *Thầy bói xem voi***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Cuộc xem voi của năm ông thầy bói | | | | |  | | Hoàn cảnh | Cách xem | Cách phán về con voi | Thái độ khi phán | Kết quả | Bài học rút ra | | … | … | … | … | … | … |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức những yêu cầu trong phiếu học tập. | **B. THẦY BÓI XEM VOI** |
| |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Cuộc xem voi của năm ông thầy bói** | | | | |  | | **Hoàn cảnh** | **Cách xem** | **Cách phán về con voi** | **Thái độ khi phán** | **Kết quả** | **Bài học rút ra** | | Một buổi ế hang, các thầy phàn nàn không biết hình thù con voi thế nào?  - Chung tiền biếu người quản voi, xin cho voi đứng lại để cùng xem. | Dùng tay để sờ (vì các thầy đều bị mù  - mỗi thầy chỉ sờ được một bộ phận của con voi (vòi, ngà, tai, chân đuôi) và tưởng đó là toàn bộ con voi). | + Thầy thì sờ vòi: *sun sun* như *con đỉa*  + Thầy thì sờ ngà: *chần chẫn* như *cái đòn càn*  + Thầy thì sờ tai: *bè bè* như *cái quạt thóc.*  + Thầy thì sờ chân: *sừng sững* như *cái cột đình*  + Thầy thì sờ đuôi: *tun tủn* như *cái chổi sể cùn* | + Tưởng … thế nào... hoá ra...  + Không phải,...  + Đâu có!...  + Ai bảo!...  + Các thầy nói không đúng cả! Chính nó...  Khẳng định chỉ có mình đúng, phủ nhận ý kiến của người khác.  => Thái độ chủ quan sai lầm. | “Cả năm thầy không ai chịu ai thành ra xô xát, đánh nhau toác đầu, chảy máu.” | => Lắng nghe ý kiến của người khác và xem lại ý kiến của mình, không nên chủ quan, tự tin quá mức trở thành bảo thủ | | |
| ❖ **Nhận thức về những cái nhìn hạn hẹp qua 2 truyện*: Ếch ngồi đáy giếng; Thầy bói xem voi***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: hs điền từ còn thiếu vào dấu …** | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời hs trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức những yêu cầu trong phiếu học tập. |  |
|  | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** hs hoàn thành phiếu học tập sau   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Nghệ thuật | Nội dung | Ý nghĩa | Bài học | | ếch ngồi đáy giếng | … | …. | … | … | | Thầy bói xem voi | … | … | … | … |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời hs trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức những yêu cầu trong phiếu học tập. |  |
| |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | **Nghệ thuật** | **Nội dung** | **Ý nghĩa** | **Bài học** | | **Ếch ngồi đáy giếng** | - Xây dựng hình tượng gần gũi với đời sống  - Cách nói ngụ ngôn, cách giáo huấn tự nhiên, đặc sắc  - Cách kể bất ngờ, thú vị | - Phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp nhưng huyênh hoang.  - Khuyên nhủ người ta phải biết mở rộng tầm hiểu biết, không được chủ quan, kiêu ngạo.  Phải biết quan sát thế giới xung quanh, mở rộng tầm hiểu biết, chớ chủ quan, kiêu ngạo | - Phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp.  - Không chủ quan kiêu ngạo  - Phải mở rộng tầm hiểu biết | - Hoàn cảnh sống hạn hẹp sẽ ảnh hưởng đến nhận thức về chính mình và thế giới xung quanh.  - Phải nhận ra hạn chế của mình  - Phải khiêm tốn không được chủ quan, kiêu ngạo  - Luôn học hỏi mở rộng tầm hiểu biết của mình bằng mọi hình thức. | | **Thầy bói xem voi** | - Cách giáo huấn bóng gió, tự nhiên mà vẫn sâu sắc.  - Phóng đại, lặp lại các sự việc.  - Xây dựng hội thoại sinh động hài hước. | Từ câu chuyện chế giễu cách xem voi và phán về voi của năm ông thầy bói, truyện "Thầy bói xem voi" khuyên người ta: muốn hiểu biết sự vật, sự việc phải xem xét chung một cách toàn diện. | - Khi chưa chắc về ý kiến, suy nghĩ, nhận định của bản thân thì đừng bao giờ chắc chắn, một mực kết quả của mình là đúng  - Phải xem xét vấn đề ở mọi khía cạnh một cách toàn diện, có chiều sâu.  - Sự nông cạn, hời hợt, thiếu chín chắn, thực tế đều dẫn đến kết luận sai lầm, lệch lạc | - Muốn kết luận đúng một sự vật, hiện tượng, phải xem xét nó một cách toàn diện.  - Phải có cách xem xét sự vật phù hợp với sự vật đó và phù hợp với mục đích xem xét.  - Biết lắng nghe ý kiến của người khác, không giải quyết vấn đề bằng vũ lực. | | |
| **LUYỆN TẬP** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Em hãy chỉ ra những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai truyện “Ếch ngồi đáy giếng” và “Thầy bói xem voi”?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết. | **III. LUYỆN TẬP** |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời hs trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. | |
| **VẬN DỤNG** | |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Kể tên các thành ngữ mà em biết qua các câu chuyện ngụ ngôn đã học?  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV chốt và mở rộng kiến thức. | - Ăn ốc nói mò  - Khôn nhà dại chợ  - Thùng rỗng kêu to  - Coi trời bằng vung  - chín người mười ý  - Cãi chày cãi Cối  - Trong nhà nhất mẹ nhì con, ra đường lắm kẻ còn giòn hơn ta. |
| ❖ **HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI MỚI**  **Văn bản 2: NHỮNG TÌNH HUỐNG HIỂM NGHÈO**  GV phát PHT số 1    PHT số 2:    PHT số 3:    PHT số 4:   |  | | --- | | *1. Em có nhận xét gì về nhân vật chó sói và chiên con?*  *2. Qua sự đối lập giữa hai nhân vật đó, em có suy nghĩ như thế nào về xã hội hiện nay?*  *……………………………………………………………………………………………………………………………………………………….* | | |